



Số: 34/2024/VIX/QĐ-TGD

Hà Nội, ngày 12 tháng 09 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Biểu phí dịch vụ giao dịch chứng khoán

TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được ban hành ngày 26/11/2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 cùng các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Thông tư 101/2021/TT-BTC được ban hành ngày 17/11/2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư 102/2021/TT-BTC được ban hành ngày 17/11/2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Các quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX;
- Theo đề xuất của Trưởng phòng Nghiệp vụ.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:** Ban hành Biểu phí Dịch vụ giao dịch chứng khoán áp dụng trên toàn hệ thống VIX.
- Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/09/2024.
- Điều 3:** Các Ông/bà thành viên Ban điều hành, các phòng ban nghiệp vụ tại VIX chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu VP, Thư ký

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Ngọc Lân

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(áp dụng từ ngày 12/09/2024 kèm theo Quyết định số 34/2024/VIX/QĐ-TGD)

STT	Loại dịch vụ	Mức phí	
1	Giao dịch chứng khoán		
1.1	Giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trong ngày	Tại sàn/điện thoại	Online
	Dưới 100 triệu	0.3%	0.15%
	Từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng	0.25%	
	Từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng	0.2%	
	Từ 1 tỷ đồng trở lên	0.15%	
1.2	Giao dịch trái phiếu	0,02%	
1.3	Phí áp dụng với dịch vụ thanh toán tiền giao dịch TPRL (phí này có thể thay đổi theo biểu phí của VCB trong từng thời kỳ)	11.000 đ/giao dịch	
2	Các giao dịch khác		
2.1	Mở tài khoản/đóng tài khoản	Miễn phí	
2.2	Phí ứng trước tiền bán chứng khoán	0,0375%/ngày	
2.3	Phí dịch vụ hỗ trợ tài chính, cho vay giao dịch ký quỹ	13%/năm	
2.4	Phí gia hạn khoản vay giao dịch ký quỹ	Tối đa 0.4% dư nợ gia hạn	
2.5	Phí in sao kê (có đóng dấu)	Thời điểm yêu cầu in tính tới hiện tại: <ul style="list-style-type: none"> - ≤ 2 tháng: miễn phí 1 lần - Hơn 2 tháng tới 12 tháng: 22.000 đ/bản - Hơn 12 tháng: 55.000 đ/bản 	
2.6	Phí trích lục hồ sơ gốc (không bao gồm Hợp đồng Mở tài khoản)	200.000đ/lần/chứng từ	
2.7	Phí xác nhận NĐT CN (Chỉ áp dụng với KH có TKGĐCK tại VIX)	<ul style="list-style-type: none"> - KH sử dụng để giao dịch tại VIX: Miễn phí - KH sử dụng giao dịch tại nơi khác: 300.000đ/lần 	
2.8	Lưu ký chứng khoán (Thu hộ VSDC theo quy định của Bộ tài chính từng thời kỳ).		
	- Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm	0,27 đồng/CP, CCQ, CQ có bảo đảm /tháng	
	- Trái phiếu doanh nghiệp	0,18 đồng/tháng/mã trái phiếu doanh nghiệp, tối đa 2.000.000 đồng/tháng/mã trái phiếu doanh nghiệp	
	- Công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công	0,14 đồng/công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công/tháng, tối đa 1.400.000 đồng/tháng/mã công cụ nợ	
2.9	Phí chuyển khoản phát sinh thực hiện thanh toán (thu hộ VSDC)	0,3 đồng/1 chứng khoán/1 lần chuyển khoản/1 mã chứng khoán, tối đa không quá 300.000 đồng/1 lần chuyển khoản/1 mã chứng khoán.	
2.10	Phí chuyển khoản chứng khoán giữa các tài khoản của nhà đầu tư tại các thành viên lưu ký khác nhau	Phí VSDC thu (0,3 đồng/1 lần chuyển khoản/1 mã chứng khoán, tối đa không quá 300.000 đồng) + 50.000 đồng/1 hồ sơ.	
2.11	Phí chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán		
a	Chuyển quyền sở hữu chứng khoán (không bao gồm mục b và c)	0,1% giá trị chuyển quyền sở hữu + phí VSDC thu theo quy định BTC từng thời kỳ	
b	Chuyển quyền sở hữu đối với trái phiếu doanh nghiệp, công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công	0,005% giá trị chuyển quyền sở hữu + phí VSDC thu theo quy định BTC từng thời kỳ	
c	Chuyển quyền sở hữu do thực hiện chào mua công khai	0,03% giá trị chuyển quyền sở hữu + phí VSDC thu theo quy định BTC từng thời kỳ	
2.12	Phí phong tỏa chứng khoán theo yêu cầu của nhà đầu tư	0,2% giá trị chứng khoán phong tỏa đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm, tối thiểu 200.000đ, tối đa 20.000.000 đ/ mã chứng khoán.	
		0,02% giá trị chứng khoán phong tỏa đối với trái phiếu doanh	



		nghiệp, công cụ nợ theo quy định tại Luật quản lý nợ công, tối thiểu 200.000đ, tối đa 20.000.000đ/mã chứng khoán
2.13	Phí đăng ký biện pháp Bảo đảm	500.000 đồng/1 hồ sơ + phí VSDC thu theo quy định BTC từng thời kỳ
2.14	Phí thay đổi/sửa chữa/xóa đăng ký biện pháp Bảo đảm	100.000 đồng/1 hồ sơ
2.15	Phí rút Chứng khoán	100.000 đồng/1 hồ sơ
2.16	Phí chuyển nhượng quyền đăng ký mua CK phát hành thêm	100.000 đồng/1 hồ sơ
2.17	Các trường hợp khác chưa được quy định ở trên, sẽ áp dụng mức phí tùy từng trường hợp cụ thể.	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX
TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Ngọc Lân

